

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm**Đơn vị báo cáo:**.....**Mẫu số B 02 – DN/HN****Địa chỉ:**.....*(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC**ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Kỳ kế toán từ ngày đến ngày**Đơn vị tính:*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21			
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22			
8. Chi phí tài chính	23			
- Trong đó: Chi phí đi vay	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27			
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 – 23) - (25 + 26) + 27}	30			
13. Thu nhập khác	31			
14. Chi phí khác	32			
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Phê duyệt, ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu)